

KẾ HOẠCH

Phòng, chống thiên tai và Tìm kiếm cứu nạn cấp tỉnh giai đoạn 2016 - 2020 tỉnh Hà Tĩnh

Để chủ động công tác phòng ngừa, ứng phó và khắc phục hậu quả thiên tai, nhằm giảm thiểu thiệt hại đến mức thấp nhất tài sản của Nhà nước và Nhân dân, góp phần thực hiện thắng lợi nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh; sau khi xem xét đề nghị của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tại Văn bản số 1528/SNN-TL ngày 16/8/2016, của Sở Kế hoạch và Đầu tư tại Văn bản số 1759/SKHĐT-KTN ngày 26/8/2016, Ủy ban nhân dân tỉnh Hà Tĩnh ban hành Kế hoạch phòng, chống thiên tai và Tìm kiếm cứu nạn giai đoạn 2016-2020 tỉnh Hà Tĩnh, bao gồm các nội dung chính như sau:

Phần I

ĐẶC ĐIỂM CHUNG, THÔNG TIN CƠ SỞ HẠ TẦNG PHÒNG, CHỐNG THIÊN TAI CHỦ YẾU

I. ĐẶC ĐIỂM CHUNG

1. Đặc điểm về địa hình

Hà Tĩnh là địa phương thuộc vùng duyên hải Bắc Trung Bộ, có tổng diện tích đất tự nhiên 5.997km² (chiếm khoảng 1,8% tổng diện tích cả nước). Nằm trong tọa độ 17°53'50" - 18°45'40" vĩ độ Bắc, 105°05'50" - 106°30'20" kinh độ Đông, ở phía Đông dãy Trường Sơn; có địa hình hẹp và dốc nghiêng dần từ Tây sang Đông, đồi núi chiếm gần 80% diện tích tự nhiên; đồng bằng có diện tích nhỏ, bị chia cắt bởi các dãy núi, sông suối; độ che phủ rừng đạt 52,34% (tính đến 31/12/2015).

2. Đặc điểm khí hậu

2.1. Khí hậu ở Hà Tĩnh được phân thành 2 mùa rõ rệt:

- Mùa khô: Bắt đầu từ tháng 12 đến tháng 8 năm sau, có hiện tượng nắng, nóng và thường xuất hiện mưa rào; nhiệt độ trung bình từ 25⁰C đến 37⁰C. Đây là mùa nắng gắt, có gió Tây Nam (thổi từ Lào) khô, nóng, lượng bốc hơi lớn.

- Mùa mưa: Bắt đầu từ tháng 9 đến tháng 11, nhiệt độ trung bình từ 18⁰C đến 26⁰C. Hạ tuần tháng 8, tháng 9 và trung tuần tháng 11 lượng mưa chiếm 54% tổng lượng mưa cả năm.

Một số yếu tố khí hậu đặc trưng trên địa bàn tỉnh Hà Tĩnh:

Yếu tố khí hậu	TP Hà Tĩnh	Kỳ Anh	Hương Khê
Nhiệt độ trung bình tháng năm	17,5 ⁰ C - 29,4 ⁰ C	17,6 ⁰ C - 29,8 ⁰ C	17,4 ⁰ C - 29 ⁰ C
Nhiệt độ tháng cao nhất (T 6, 7)	29 ⁰ C - 40,1 ⁰ C	30 ⁰ C - 40,4 ⁰ C	30 ⁰ C - 42,6 ⁰ C
Nhiệt độ tháng thấp nhất (T 12,1)	6,8 ⁰ C - 19 ⁰ C	6,9 ⁰ C - 19,2 ⁰ C	6 ⁰ C - 18,6 ⁰ C
Biên độ nhiệt năm (⁰ C)	11 ⁰ C - 12 ⁰ C		
Lượng mưa trung bình năm (mm)	2.695mm	2.969,7mm	2.405mm
Số ngày mưa TB năm (ngày)	156	155	163
Độ ẩm trung bình năm (%)	86%	84%	85%
Số ngày gió Tây Nam (ngày)	36,2	27,6	52,2

2.2. Về lượng mưa

Hà Tĩnh có lượng mưa hàng năm phổ biến từ 2.500 ÷ 2.650mm, nhưng phân bố không đều về thời gian và không gian. Về mùa mưa lượng mưa chiếm 70% ÷ 75% so với tổng lượng mưa cả năm (mùa mưa từ cuối tháng 8 đến tháng 11). Những vùng có lượng mưa lớn như xã Kỳ Lạc, huyện Kỳ Anh 3.220mm, vùng thượng nguồn sông Ngàn Phố, Ngàn Sâu, Rào Trỏ, có năm đo được lượng mưa lên tới 4.300 ÷ 4.586mm (năm 1978).

Số ngày mưa trung bình năm từ 150 ÷ 160 ngày, tháng có lượng mưa trung bình lớn nhất là tháng 10, tháng có lượng mưa trung bình ít nhất là tháng 3.

2.3. Về độ ẩm không khí

Là nơi chịu ảnh hưởng của khí hậu nhiệt đới gió mùa nên Hà Tĩnh có độ ẩm không khí cao, độ ẩm cao nhất trong năm xuất hiện từ tháng 12 năm trước đến tháng 3 năm sau, đây là giai đoạn bị ảnh hưởng bởi khối không khí lạnh từ miền Bắc chuyển xuống gây mưa phùn và ẩm ướt; độ ẩm không khí cao nhất từ giữa tháng 5 đến giữa tháng 8 do ảnh hưởng của gió Tây Nam nên thường gây ra khô, nóng dẫn đến hạn hán. Độ ẩm trung bình năm từ 84 ÷ 86%.

2.4. Thủy triều

Thủy triều ở vùng ven biển Hà Tĩnh thuộc chế độ bán nhật triều, trong tháng xuất hiện 2 lần triều cường và 2 lần triều kiệt, trung bình 1 chu kỳ triều từ 14 đến 15 ngày. Biên độ triều lớn nhất trong năm thường xuất hiện vào mùa cạn từ tháng 5 đến tháng 6, cũng có năm xuất hiện từ tháng 1 đến tháng 3. Trong thời kỳ nước cường cùng thời gian triều lên trung bình 8 giờ, thời gian triều xuống trung bình 15 đến 16 giờ.

Càng vào sâu cửa sông thời gian triều lên càng ngắn, thời gian triều xuống càng dài ra. Tại Cửa Hội, trung bình số thời gian triều lên khoảng 7 giờ 30', tại Trung Lương số thời gian triều lên khoảng 6 giờ, tại Linh Cảm khoảng 5 giờ; thời gian triều xuống ở Trung Lương khoảng 10 giờ, Linh Cảm khoảng 13 giờ.

Trong mùa khô ảnh hưởng của thủy triều vào nội địa khá xa; theo số liệu điều tra, ở sông La lên đến sông Ngàn Phố cách cửa biển 63km. Trên sông Rào Cái triều lên đến xã Cẩm Mỹ, trên Sông Rác thủy triều lên đến xã Cẩm Lạc.

3. Đặc điểm về sông, ngòi

3.1. Sông La: Sông La hợp lưu bởi sông Ngàn Phố và sông Ngàn Sâu tại bến Tam Soa (Linh Cẩm), chảy nhập vào sông Lam tại chợ Trảng. Sông dài 13km chảy qua địa phận 12 xã (Tùng Ảnh, Trường Sơn, Liên Minh, Đức Yên, thị trấn Đức Thọ, Bùi Xá, Đức Tùng, Đức Châu, Đức La, Đức Nhân, Đức Quang và Đức Vĩnh), huyện Đức Thọ, có diện tích lưu vực 3.221km².

3.2. Sông Ngàn Sâu: Với chiều dài 131km, bắt nguồn từ núi Ông Giao, có 3 phụ lưu lớn (sông Tiêm, sông Rào Nổ, sông Ngàn Trươi) và nhiều phụ lưu nhỏ khác; diện tích lưu vực gần 2.064km²; trong đó có 54km² thuộc địa phận tỉnh Quảng Bình. Sông Ngàn Sâu bắt nguồn từ biên giới Việt - Lào, chảy dọc giữa Đông Trường Sơn và dãy Trà Sơn có độ uốn khúc lớn, đi qua các huyện: Hương Khê, Vũ Quang và phần thượng huyện Đức Thọ, hợp lưu với sông La tại bến Tam Soa (Linh Cẩm).

3.3. Sông Ngàn Phố: Sông Ngàn Phố dài 76km, bắt nguồn từ núi Bà Mu, chảy qua các xã: Sơn Kim, Sơn Diêm, Sơn Giang, Sơn Phố, Sơn Trung, Sơn Ninh và Sơn Mỹ, huyện Hương Sơn, hợp lưu với sông Ngàn Sâu tại bến Tam Soa (Linh Cẩm); diện tích lưu vực 1.065km², toàn bộ lưu vực nằm gọn trong địa phận huyện Hương Sơn. Sông Ngàn Phố được hợp lưu bởi các sông nhánh đổ vào đó là: Sông Rào Tre, sông Con, Rào Mốc, Nước Sốt và các nhánh nhỏ khác.

3.4. Rào Mỹ Dương: Bắt nguồn từ núi Ông Bàng xã Xuân Lĩnh, dài 24km, qua các xã: Xuân Viên, Xuân Mỹ, Xuân Hoa, Xuân Liên, Xuân Song, huyện Nghi Xuân. Hạ lưu rào Mỹ Dương chạy ven phía Bắc dãy Hồng Lĩnh, lạch Đồng Kền (hạ lưu Rào Mỹ Dương) nằm trọn trong địa phận huyện Nghi Xuân.

3.5. Sông Nghèn: Bắt nguồn từ cống Trung Lương nhập vào sông Rào Cái tại xã Hộ Độ, huyện Lộc Hà, dài 60km, diện tích lưu vực gần 556km². Sông Nghèn được hợp lưu bởi sông Giã và nhiều khe, suối nhỏ. Đây là sông có nhiệm vụ cấp nước tưới phục vụ sản xuất nông nghiệp, nuôi trồng thủy sản và sinh hoạt cho Nhân dân nằm trong lưu vực (Đức Thọ, thị xã Hồng Lĩnh, Can Lộc, Lộc Hà và một số xã Bắc Thạch Hà) đồng thời có nhiệm vụ tiêu thoát lũ cho phần lớn diện tích đất nông nghiệp và dân cư trong lưu vực; phía hạ lưu của sông là công trình ngăn mặn giữ ngọt Đò Diệm.

3.6. Sông Cày: Bắt nguồn từ cống Cầu Sứ, phường Thạch Linh (TP Hà Tĩnh) và nhập vào sông Nghèn tại xã Hộ Độ (huyện Thạch Hà), lưu vực 18km².

3.7. Sông Rào Cái: Chiều dài 63km, với diện tích lưu vực gần 516km², bắt nguồn từ núi Cục Tháo, huyện Cẩm Xuyên, chảy theo hướng Tây Bắc - Đông Nam, sau đó chuyển dần về theo hướng Bắc - Nam. Phần thượng nguồn sông Rào Cái là "Công trình đại thủy nông Kẻ Gỗ". Đến xã Cẩm Thành, sông

Rào Cái phân làm hai nhánh, một nhánh chảy về hướng Bắc, đầu nguồn gọi là sông Ngàn Mọ, phía dưới gọi là sông Phủ, sông Phủ hợp lưu với sông Nghèn tại Hộ Độ; một nhánh chảy về hướng Đông Nam, nhánh này thường gọi là “sông Gia Hội” hợp lưu với sông Cửa Nhượng tại Cẩm Long, huyện Cẩm Xuyên.

3.8. Sông Cửa Sốt: Hợp lưu của sông Rào Cái và sông Nghèn tại Hộ Độ đổ ra biển Đông tại Cửa Sốt, xã Thạch Kim, huyện Lộc Hà. Đoạn sông Cửa Sốt dài 8km, diện tích lưu vực gần 1.090km^2 và chịu tác động mạnh mẽ của thủy triều.

3.9. Sông Rác: Chiều dài 32km, bắt nguồn từ dãy Vĩnh Yên chảy qua địa bàn huyện Kỳ Anh và các xã phía Nam huyện Cẩm Xuyên, sông có diện tích lưu vực gần 167km^2 , thượng nguồn được xây dựng “công trình thủy nông Sông Rác”. Sông Rác được hợp lưu với sông Cửa Nhượng tại núi Hòn Du xã Cẩm Lộc (huyện Cẩm Xuyên) cách cửa Nhượng khoảng 3km.

3.10. Sông Cửa Nhượng: Là đoạn cuối của Sông Rác, Sông Quèn và sông Gia Hội hợp thành tại xã Cẩm Long, huyện Cẩm Xuyên, có chiều dài khoảng 4km; sông luôn chịu ảnh hưởng của thủy triều.

3.11. Sông Quyền: Bắt nguồn từ dãy Hoành Sơn ở độ cao 1.040m, dài 34km. Đoạn thượng nguồn gọi là khe Đá Hát, chảy theo hướng Tây Nam, với diện tích lưu vực gần 150km^2 , sông Quyền đổ ra Cửa Khẩu tại xã Kỳ Ninh, thị xã Kỳ Anh. Hạ lưu sông có công ngăn mặn giữ ngọt Tây Yên.

3.12. Sông Trí: Bắt nguồn từ núi Động Chùa, có chiều dài 39km, chảy len lỏi giữa hai dãy núi Yên Mã, Đá Bạc và núi Bá, hợp lưu vào sông Quyền tại Văn Yên xã Kỳ Hà, thị xã Kỳ Anh, sau đó đổ ra Cửa Khẩu, xã Kỳ Ninh, thị xã Kỳ Anh. Sông có diện tích lưu vực 57km^2 , thuộc địa bàn huyện Kỳ Anh và thị xã Kỳ Anh, phía trên sông đã được xây dựng đập dâng “Sông Trí” và hồ Thượng sông Trí.

3.13. Sông Rào Trỏ: Chiều dài trên 60km, bắt nguồn từ vùng thượng của huyện Kỳ Anh, với diện tích lưu vực là 556km^2 . Phần đi qua địa phận Hà Tĩnh có chiều dài là 54km, với diện tích lưu vực là 488km^2 ; phần còn lại thuộc tỉnh Quảng Bình và được hợp lưu với sông Rào Nậy thuộc huyện Tuyên Hoá, tỉnh Quảng Bình.

4. Về dân sinh, kinh tế - xã hội

Hà Tĩnh có dân số gần 1,3 triệu người, có 13 đơn vị hành chính trực thuộc (gồm: 01 thành phố, 02 thị xã và 10 đơn vị cấp huyện); toàn tỉnh có 262 xã, phường, thị trấn, trong đó có 230 xã, 11 thị trấn, 22 phường. Dân cư tập trung chủ yếu ở nông thôn, chiếm gần 85%, mật độ dân số bình quân $211\text{ người}/\text{km}^2$.

Kinh tế Hà Tĩnh trong những năm gần đây có tốc độ tăng trưởng cao, cơ cấu kinh tế chuyển dịch nhanh, theo hướng tăng tỷ trọng Công nghiệp - Dịch vụ, giảm tỷ trọng Nông nghiệp. Về xây dựng nông thôn mới đã được Trung ương đánh giá là một trong những tỉnh dẫn đầu, có cách làm sáng tạo; đầu tư cho nông nghiệp, nông dân, nông thôn ngày càng được quan tâm đúng mức. Về phát triển

công nghiệp - dịch vụ, đến nay có 02 Khu kinh tế được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt là khu kinh tế trọng điểm Quốc gia với tổng diện tích gần 80.000ha và nhiều cụm công nghiệp khác trên địa bàn tỉnh được đầu tư phát triển.

II. CƠ SỞ HẠ TẦNG PHÒNG, CHỐNG THIÊN TAI CHỦ YẾU

1. Hệ thống đê điều

Hà Tĩnh có 32 tuyến đê, với tổng chiều dài 318,7km (trong đó tuyến đê La Giang là đê cấp II dài 19,2km, còn lại 31 tuyến đê cấp IV, cấp V, với chiều dài 299,5km), bao gồm: 102,8km đê sông; 207,7km đê biển, đê cửa sông và 8,2km đê bao, đê bồi.

Thực hiện Chương trình nâng cấp hệ thống đê sông theo Quyết định số 2068/QĐ-TTg ngày 09/12/2009 của Thủ tướng Chính phủ, đến nay Hà Tĩnh đã lập, phê duyệt và triển khai thực hiện 05 dự án; trong đó có 04 dự án đã hoàn thành và đưa vào sử dụng với tổng chiều dài 17,3km, gồm: 6,8km đê Hữu Nghèn, huyện Can Lộc; 0,5km đê Rú Tý, huyện Đức Thọ; 2,8km đê sông Nghèn, huyện Can Lộc; 7,2km đê Hữu Lam, huyện Nghi Xuân; dự án đang thực hiện là Dự án nâng cấp đê La Giang, huyện Đức Thọ (dài 19,2km).

Thực hiện Chương trình củng cố, nâng cấp đê biển hiện có theo Quyết định số 58/QĐ-TTg ngày 14/3/2006 của Thủ tướng Chính phủ, từ năm 2006 đến nay Hà Tĩnh đã củng cố và nâng cấp được 161km đê biển, đê cửa sông xung yếu đảm bảo tiêu chuẩn chống đỡ với bão cấp 10 tần suất triều P=5%; kinh phí thực hiện ước tính là 1.717 tỷ đồng; trong đó:

- Có 23 dự án đã đầu tư xây dựng hoàn thành với 68km chiều dài đê, kè; 48 công dưới đê; 101ha cây chắn sóng; kinh phí thực hiện 605 tỷ đồng.

- Có 15 dự án đang triển khai thi công dở dang, với chiều dài 129km, tổng mức đầu tư được duyệt 1.936 tỷ đồng; đến thời điểm hiện tại đã hoàn thành được 93/129km đê, kè; xây dựng được 74 công tiêu thoát lũ dưới đê; nguồn vốn đã đầu tư 1.112 tỷ đồng.

Hiện nay đang còn những trọng điểm xung yếu như: Tuyến đê biển Thạch Kim - Thạch Bằng (huyện Lộc Hà) trực diện biển đang khó khăn về nguồn vốn chưa có điều kiện nâng cấp; các tuyến, như: Đê La Giang (huyện Đức Thọ, thị xã Hồng Lĩnh), đê Hữu Phú (huyện Thạch Hà), đê Phúc Long Nhượng và đê Cẩm Hà, Cẩm Lộc (huyện Cẩm Xuyên) đang thi công... cần phải tập trung quản lý chất lượng và đẩy nhanh tiến độ kịp chống lũ chính vụ.

2. Hệ thống hồ, đập

- Toàn tỉnh có 350 hồ chứa thủy lợi và 02 hồ chứa thủy điện với tổng dung tích 809,3 triệu m³ nước; trong đó 2 hồ dung tích lớn trên 100 triệu m³; 9 hồ dung tích từ 10 đến 100 triệu m³, 48 hồ dung tích từ 1,0 triệu m³ đến <10 triệu m³, còn lại các hồ chứa có dung tích < 1,0 triệu m³. Có 88 đập dâng, với lưu lượng thiết kế 23,95m³/s; có 454 trạm bơm, với tổng lưu lượng thiết kế 495m³/h; có 12 công ngăn mặn, giữ ngọt, tạo nguồn lớn.

Phần lớn các hồ chứa trên địa bàn tỉnh Hà Tĩnh, đều được xây dựng cách đây từ 40 đến 50 năm (đặc biệt là các hồ chứa nhỏ), vào thời điểm đó do điều

kiện, phương tiện thi công còn thiếu và yếu, chủ yếu là thủ công và thủ công kết hợp cơ giới. Đặc biệt về thủy văn, tài liệu đo đạc chưa được đầy đủ, quá trình lập hồ sơ dự án và thiết kế kỹ thuật chưa đề cập hết các trường hợp bất lợi của thiên tai, bên cạnh đó các đập xây dựng đã lâu, qua nhiều năm sử dụng chịu tác động thiên tai lại không có kinh phí duy tu bảo dưỡng, nên đến nay nhiều công trình đã xuống cấp, nguy cơ mất an toàn cao. Qua điều tra đánh giá 350 hồ chứa thủy lợi đã đưa vào sử dụng thì có 218 hồ chứa (chiếm 64,2%) mái thượng lưu đập chưa được gia cố bảo vệ. Có 129 đập (chiếm 37,4%) bị thấm thân đập, nền đập và vai đập, trong đó có nhiều đập thấm lớn nước chảy thành dòng. Ngoại trừ công Kê Gõ, Sông Rác có thiết kế hành lang kiểm tra và một số hồ chứa mới được xây dựng, nâng cấp những năm gần đây, như: Mạc Khê, thượng sông Trí... được thiết kế đảm bảo đủ khẩu độ cho việc theo dõi quá trình vận hành công; các hồ chứa còn lại công dưới đập thiết kế khẩu diện nhỏ, không có hành lang kiểm tra nên quá trình quản lý, khai thác không thể quan trắc, theo dõi hiện trạng của công. Có 170 công dưới đập (chiếm 49%) không có cầu công tác để quản lý, vận hành. Nhiều hồ chứa hệ thống điều tiết (cửa công) đã hư hỏng đến mức không còn khả năng giữ nước.

- Hiện đang tiếp tục xây dựng mới một số hồ chứa nước: Rào Trồ, huyện Kỳ Anh (162 triệu m³); Ngàn Trươi - Cẩm Trang, huyện Vũ Quang (775 triệu m³).

3. Hệ thống giao thông

Tổng mạng lưới đường bộ toàn tỉnh là 18.148km, trong đó quốc lộ, tỉnh lộ là 835,7km; huyện lộ 1.679km; đường đô thị 369km; đường GTNT là 15.252km; đường chuyên dùng 11km và đang triển khai một số tuyến đường giao thông chính, như: Dự án đường cao tốc Nghi Sơn - thị xã Hồng Lĩnh và từ thị xã Hồng Lĩnh đến thị xã Kỳ Anh; tuyến đường giao thông ven biển từ Cửa Hội vào Vũng Áng; một số tuyến đường giao thông tỉnh lộ, huyện lộ và giao thông nông thôn mới trên địa bàn toàn tỉnh.

Đặc biệt về giao thông có 3 trục đường Quốc gia chạy dọc: Quốc lộ 1A, đường Hồ Chí Minh, đường sắt Bắc Nam; ngoài ra có Quốc lộ 12 nối cửa khẩu Cha Lo, Quốc lộ 8A nối cửa khẩu Cầu Treo với cảng nước sâu Vũng Áng - Sơn Dương là cửa ngõ ngắn nhất đi ra biển của nước bạn Lào và các tỉnh Đông Bắc Thái Lan.

4. Hệ thống điện

Các tuyến đường dây 110KV; 220KV; 500KV thuộc hệ thống lưới điện Quốc gia đều qua Hà Tĩnh. Tại Khu kinh tế Vũng Áng đã được Chính phủ quy hoạch Cụm nhiệt điện có công suất 6.900MW. Trong đó Nhà máy nhiệt điện Vũng Áng 1 công suất 1.200MW do Tập đoàn Dầu khí Quốc gia Việt Nam đầu tư xây dựng, đến nay đã hòa lưới điện quốc gia; Nhà máy Nhiệt điện Vũng Áng 2 công suất 1.200MW, do Tập đoàn Mitsubisi Nhật Bản làm chủ đầu tư đang hoàn thiện thủ tục để khởi công; Nhà máy Nhiệt điện Vũng Áng 3 đã được Thủ tướng Chính phủ đồng ý cho Tập đoàn Samsung Hàn Quốc đầu tư, hiện

Tập đoàn đang hoàn thiện hồ sơ triển khai dự án; cụm 10 tổ máy nhiệt điện (2.200MW) của Tập đoàn Formosa đang tổ chức thi công.

5. Công trình tránh trú bão

Hiện trên địa bàn tỉnh có 02 khu tránh trú bão tàu thuyền tập trung đã đi vào hoạt động là: Khu tránh trú bão Cửa Sốt, huyện Lộc Hà đáp ứng cho 300 tàu cá loại có công suất tối đa 150CV; Khu tránh trú bão Cửa Nhượng, huyện Cẩm Xuyên đáp ứng cho 300 tàu cá loại có công suất tối đa 300CV và có 02 khu tránh trú bão đã thi công hoàn thành giai đoạn 1, đang tiếp tục triển khai thực hiện giai đoạn 2, đó là: Khu tránh trú bão Cửa Hội, huyện Nghi Xuân, đáp ứng cho 500 tàu cá loại có công suất tối đa 600CV; Khu tránh trú bão Cửa Khẩu, huyện Kỳ Anh, đáp ứng cho 200 tàu cá có công suất tối đa 150CV.

Vấn đề đặt ra đối với các âu trú bão hiện nay là việc các cửa lạch bị bồi lấp với tốc độ nhanh, gây khó khăn cho việc ra vào của tàu thuyền nhưng chưa có giải pháp xử lý tổng thể; ngoài ra chủ trương của Chính phủ là đóng mới và cải hoán các tàu cá có công suất lớn theo Nghị định 67, nhưng hiện tại chưa có âu tránh trú bão nào đảm bảo cho các tàu có công suất trên 600CV vào trú ẩn an toàn.

6. Cơ sở hạ tầng cảnh báo thiên tai

Trên địa bàn toàn tỉnh hiện có 12 trạm đo khí tượng, thủy văn; 14 trạm đo mưa tự động; 40 trạm đo mưa Nhân dân và 213 cột mốc báo lũ. Tại các trạm thủy văn hiện có, công nghệ đã lạc hậu, không đồng bộ, dẫn đến việc cập nhật số liệu phục vụ công tác dự báo, cảnh báo còn gặp nhiều khó khăn.

Trong những năm gần đây (2005-2015), UBND tỉnh đã bố trí 42 tỷ đồng để khắc phục, sửa chữa một số công trình cấp bách trước mùa mưa, lũ; đồng thời hỗ trợ kinh phí mua sắm được gần 30 chiếc thuyền máy hỗ trợ các địa phương trang bị phương tiện tại chỗ để ứng phó thiên tai, bão lũ.

III. ĐÁNH GIÁ CHUNG VỀ RỦI RO THIÊN TAI VÀ CẤP ĐỘ RỦI RO THIÊN TAI THƯỜNG GẶP VÀ PHÂN CÔNG TRÁCH NHIỆM

1. Đánh giá chung về các rủi ro thiên tai

Là một tỉnh thuộc khu vực Bắc Trung bộ, có địa hình đa dạng và phức tạp, Hà Tĩnh thường xuyên chịu ảnh hưởng của loại hình thiên tai như: bão, áp thấp nhiệt đới, lốc, sét, mưa lớn, lũ, lũ quét, ngập lụt, sạt lở đất do mưa lũ hoặc dòng chảy, sụt lún đất do mưa lũ hoặc dòng chảy, nước dâng, xâm nhập mặn, nắng nóng, hạn hán, rét đậm, rét hại kéo dài...; đặc biệt trong những năm gần đây biến đổi thời tiết ngày càng cực đoan, các loại hình thiên tai ngày càng khốc liệt và khó lường. Theo số liệu tổng hợp từ Văn phòng Ban Chỉ huy PCTT và TKCN tỉnh, chỉ tính trong vòng 10 năm gần đây (năm 2005 đến 2015) thiên tai đã làm chết 173 người, 03 người mất tích và 430 người bị thương; nhiều công trình phòng, chống thiên tai bị hư hỏng mà phải mất nhiều năm sau mới khôi phục được; có 375.868 ngôi nhà bị hư hỏng, sập đổ, cuốn trôi; hàng ngàn con gia súc, gia cầm bị chết và hàng trăm ngàn ha diện tích lúa, hoa màu bị hư hỏng,

dập nát...; thiệt hại ước tính trên 11.146 tỷ đồng; gây ảnh hưởng không nhỏ đến hoạt động, đời sống, dân sinh và sản xuất của Nhân dân trên địa bàn tỉnh.

Công tác phòng, chống thiên tai trong những năm qua ở tỉnh ta đã có bước chuyển biến, chủ động phòng, tránh; song chúng ta vẫn đang dựa vào biện pháp công trình là chính, trong khi đó nhiều công trình trong phòng, chống thiên tai đã được xây dựng từ lâu, năng lực không còn đáp ứng được yêu cầu hiện tại, chưa có biện pháp phi công trình mang tính toàn diện được thực hiện trên lưu vực, trên thực tế còn mang tính đối phó, thụ động và không cân sức.

Do tác động của biến đổi khí hậu trong những năm tới được dự báo là càng làm tăng thêm những tác động bất lợi đến khu vực, như: Gia tăng lũ lụt, hạn hán, xâm nhập mặn và nước biển dâng... Theo công bố của Bộ Tài nguyên và Môi trường tại Quyết định số 1857/QĐ-BTNMT ngày 29/8/2014 về phân vùng bão và xác định nguy cơ bão, nước dâng do bão gây ra khu vực ven biển Việt Nam, trong đó khu vực Nghệ An - Hà Tĩnh có khả năng ảnh hưởng của bão cấp 15, cấp 16 và nguy cơ nước dâng do bão có thể lên tới 5,7 - 6,2m khi gặp triều cường (cao nhất cả nước). Theo dự báo của Trung tâm Khí tượng Thủy văn Quốc gia, trong những năm tới, lượng mưa mùa khô sẽ giảm khoảng 10%, tổng lượng mưa TBNN không biến đổi nhiều, nhưng lượng mưa mùa khô giảm dần tới lượng mưa mùa lũ sẽ tăng, làm tăng thêm nguy cơ lũ, lụt.

2. Tình hình thiên tai và cấp độ rủi ro thiên tai thường gặp

Cấp độ rủi ro thiên tai được quy định tại Quyết định số 44/2014/QĐ-TTg ngày 15/8/2014 của Thủ tướng Chính phủ, được xác định cho từng loại hình thiên tai và công bố cùng với nội dung bản tin dự báo, cảnh báo về thiên tai; địa bàn Hà Tĩnh các cấp độ đối với từng loại hình thiên tai thường xảy ra như sau:

2.1. Bão, áp thấp nhiệt đới: Bão, ATNĐ thường xảy ra từ tháng 8 đến tháng 11 hàng năm, tập trung chủ yếu vào các tháng 9, 10 và 11; một số năm gần đây do ảnh hưởng của biến đổi khí hậu diễn biến thất thường hơn, có khi xuất hiện sớm và kết thúc muộn hơn, cường độ mạnh và diễn biến bất thường. Trung bình mỗi năm chịu ảnh hưởng của 2-3 cơn bão, ATNĐ; cấp độ rủi ro thiên tai từ cấp 3 đến cấp 5. Khu vực ảnh hưởng trực tiếp và nặng nề nhất là các huyện ven biển, gây thiệt hại lớn đến tình hình dân sinh, cơ sở vật chất, hạ tầng của Nhà nước và Nhân dân trên địa bàn toàn tỉnh.

2.2. Lốc, sét, mưa đá: Thường xuất hiện vào thời kỳ chuyển mùa, thời gian xuất hiện khoảng từ tháng 3 đến tháng 9 và xảy ra cục bộ tại một số địa phương trong tỉnh, gây ảnh hưởng lớn đến tính mạng, đời sống và sản xuất của Nhân dân. Rủi ro thiên tai do lốc, sét, mưa đá thường xảy ra từ cấp 1 đến cấp 2.

2.3. Về mưa: Lượng mưa phân bố không đều, thường tập trung vào khoảng từ tháng 8 đến tháng 11 hàng năm. Lượng mưa trung bình từ 2.200mm đến 2.500mm, các năm gần đây do ảnh hưởng của biến đổi khí hậu các trận mưa có xu thế tập trung, cường độ cao, nên thường xuất hiện lũ. Rủi ro thiên tai do mưa lớn thường xảy ra từ cấp 1 đến cấp 3 và phạm vi ảnh hưởng trên toàn tỉnh.

2.4. Nắng nóng, hạn hán: Do lượng mưa được phân bố không đều nên hàng năm thường xảy ra hạn hán vào vụ sản xuất Hè Thu, ảnh hưởng trực tiếp

đến sản xuất nông nghiệp và dân sinh. Điển hình năm 2015, nắng nóng xuất hiện sớm cường độ rất gay gắt và kéo dài nhiều ngày, từ ngày 13/5 đến ngày 21/6 (40 ngày), trong đó rất nhiều ngày có nền nhiệt độ $\geq 39^{\circ}\text{C}$; khu vực miền núi có nền nhiệt độ từ $40,5 - 42,0^{\circ}\text{C}$ vượt ngưỡng nắng nóng lịch sử năm 1992. Rủi ro thiên tai do nắng nóng, hạn hán thường xảy ra từ cấp 1 đến cấp 3 và phạm vi ảnh hưởng hầu hết trên địa bàn toàn tỉnh.

2.5. Về rét đậm, rét hại, sương muối: Hàng năm trên địa bàn tỉnh đều xuất hiện các đợt rét đậm, rét hại; đợt rét đậm gần đây nhất xảy ra vào các ngày 11/01 đến 17/01/2016 và đặc biệt từ ngày 22/01 đến 28/01 cường độ rất mạnh, nhiệt độ trung bình dao động $7,0 - 11,0^{\circ}\text{C}$; nhiệt độ thấp nhất phổ biến $5,0 - 6,0^{\circ}\text{C}$ (thấp nhất trong vòng 53 năm qua) gây thiệt hại lớn cho diện tích lúa vụ Đông Xuân 2015-2016, nuôi trồng thủy sản và gia súc gia cầm. Về sương muối trên địa bàn cũng đã xuất hiện tại một số khu vực bán sơn địa, nhưng cường độ yếu. Cấp độ rủi ro thiên tai do rét hại, sương muối thường xảy ra từ cấp 1 đến cấp 3.

2.6. Về lũ, ngập lụt: Mùa lũ thường xảy ra cùng thời gian với mùa của bão; bởi vì sau bão, ATNĐ thường mưa lớn gây ngập lụt, ngoài ra do tác động bất lợi của các hình thái thời tiết như gió mùa, không khí lạnh, cao áp lạnh..., cũng sẽ gây mưa trên diện rộng; trung bình mỗi năm Hà Tĩnh chịu ảnh hưởng của 2-3 đợt lũ và các đợt lũ giao động từ báo động 1 đến báo động 3, một số năm xuất hiện trên báo động 3. Cấp độ rủi ro thiên tai do lũ, ngập lụt thường xảy ra từ cấp 1 đến cấp 5 và phạm vi ảnh hưởng hầu hết trên địa bàn toàn tỉnh.

Trong những năm gần đây, hầu như năm nào tỉnh ta cũng bị lũ, ngập lụt xảy ra ở các mức độ và phạm vi ảnh hưởng khác nhau; đặc biệt từ năm 2002 đến nay, trên các lưu vực sông ở Hà Tĩnh liên tục xuất hiện lũ vượt qua mực nước lũ lịch sử, cụ thể: Tại Sơn Diệm mực nước lũ năm 2002 là 15,82m, vượt lũ lịch sử 0,47m (lũ tiêu mẫn năm 1989); tại Hòa Duyệt mực nước lũ năm 2010 là 12,83m, vượt lũ lịch sử năm 1960 là 0,09m; tại Chu Lễ mực nước lũ năm 2007 là 16,13m, vượt lũ lịch sử năm 1996 là 0,71m; năm 2010 là 16,56m, vượt lũ lịch sử năm 2007 là 0,43m.

2.7. Ngoài ra các loại hình thiên tai khác như mưa đá, sạt lở, sụt lún đất, động đất, sóng thần cũng là tiềm ẩn rủi ro thiên tai có thể xảy ra; cần phải được quan tâm chỉ đạo và triển khai xây dựng phương án để tổ chức thực hiện ứng phó các tình huống có thể xảy ra.

Phần II

KẾ HOẠCH PHÒNG, CHỐNG THIÊN TAI

GIAI ĐOẠN 2016 - 2020

I. QUAN ĐIỂM

1. Công tác phòng, chống thiên tai bao gồm: Phòng ngừa, ứng phó và khắc phục hậu quả, nhằm giảm thiểu thiệt hại về người và tài sản do thiên tai gây ra, góp phần đảm bảo phát triển sản xuất bền vững, ổn định xã hội, xóa đói,

giảm nghèo, bảo đảm an ninh, quốc phòng; công tác tác phòng, chống thiên tai phải được tiến hành chủ động và thường xuyên.

2. Các địa phương, các cơ quan nhà nước, tổ chức kinh tế, tổ chức xã hội, đơn vị vũ trang Nhân dân và mọi công dân, các tổ chức, cá nhân nước ngoài sống trên đất Hà Tĩnh có nghĩa vụ thực hiện việc phòng, chống và giảm nhẹ thiên tai.

3. Công tác phòng, chống và giảm nhẹ thiên tai thực hiện theo phương châm Nhà nước và Nhân dân cùng làm, sử dụng hiệu quả nguồn lực của Nhà nước, đồng thời huy động mọi nguồn lực của cộng đồng, của các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước.

4. Nội dung phòng, chống và giảm nhẹ thiên tai phải được lồng ghép trong quy hoạch, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của từng vùng, từng địa phương, từng lĩnh vực.

5. Công tác phòng, chống và giảm nhẹ thiên tai lấy phòng ngừa là chính, không ngừng nghiên cứu tác động của biến đổi khí hậu, nước biển dâng và những hiện tượng bất thường khác của khí hậu để phòng, tránh. Nâng cao nhận thức cộng đồng và quản lý rủi ro thiên tai dựa vào cộng đồng nhằm phát huy ý thức tự giác, chủ động phòng, tránh thiên tai của cộng đồng dân cư là biện pháp hiệu quả và thiết thực.

6. Công tác phòng, chống và giảm nhẹ thiên tai phải phát huy và kế thừa kinh nghiệm truyền thống, đúc rút các bài học kinh nghiệm, kết hợp với kiến thức, công nghệ hiện đại và tăng cường hợp tác quốc tế. Tăng cường thông tin, tuyên truyền, cảnh báo, hướng dẫn các biện pháp phòng, tránh, ứng phó thiên tai kịp thời đến cộng đồng dân cư.

II. NGUYÊN TẮC

1. Bảo đảm thực hiện đúng chủ trương của Đảng, chính sách và pháp luật của Nhà nước. Tăng cường hiệu lực và hiệu quả quản lý nhà nước và nâng cao trách nhiệm của mọi tổ chức, cá nhân đối với công tác phòng, chống và giảm nhẹ thiên tai. Nâng cao nhận thức, phổ biến kinh nghiệm trong phòng, chống thiên tai, nhất là ở cấp cơ sở thôn, bản, làng, xã.

Thực hiện nghiêm túc Luật Phòng, chống thiên tai ngày 19/6/2013; Nghị định số 66/2014/NĐ-CP ngày 04/7/2014 của Chính phủ về việc quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Phòng, chống thiên tai. Tiếp tục triển khai thực hiện Chiến lược Quốc gia phòng, chống và giảm nhẹ thiên tai đến năm 2020 được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 172/2007/QĐ-TT ngày 16/11/2007. Thực hiện nghiêm túc Quyết định số 25/2016/QĐ-UBND ngày 17/6/2016 của UBND tỉnh về ban hành Quy định một số nội dung về công tác Phòng, chống thiên tai và Tìm kiếm cứu nạn trên địa bàn tỉnh.

2. Kế hoạch phòng, chống và giảm nhẹ thiên tai phải được thực hiện đồng bộ, theo giai đoạn và có trọng điểm, vừa có tính cấp bách, vừa có tính lâu dài. Công tác phòng, chống và giảm nhẹ thiên tai phải thực hiện theo phương châm

“4 tại chỗ” (chỉ huy tại chỗ, lực lượng tại chỗ, vật tư tại chỗ, hậu cần tại chỗ) và chủ động phòng tránh, ứng phó kịp thời, khắc phục khẩn trương và hiệu quả. Công tác khắc phục hậu quả phải kết hợp với khôi phục và nâng cấp, bảo đảm sự phát triển bền vững của từng vùng và từng lĩnh vực.

3. Đầu tư cho công tác phòng, chống và giảm nhẹ thiên tai là yếu tố quan trọng để đảm bảo phát triển bền vững. Đầu tư xây dựng các công trình phòng, chống và giảm nhẹ thiên tai phải kết hợp đồng bộ giữa các giải pháp công trình và phi công trình, thực hiện lợi dụng tổng hợp, đảm bảo hài hòa với thiên nhiên và cảnh quan môi trường; huy động sự đóng góp của cộng đồng và toàn xã hội để đầu tư cho phòng, chống và giảm nhẹ thiên tai.

III. MỤC TIÊU

1. Nâng cao năng lực và khả năng dự báo của Trung tâm dự báo Khí tượng thủy văn; trọng tâm là thời gian dự báo mưa, bão, áp thấp nhiệt đới và các hiện tượng thời tiết nguy hiểm để các địa phương, đơn vị chủ động xây dựng phương án phòng, tránh, giảm đến mức thấp nhất thiệt hại do thiên tai gây ra.

2. Bảo đảm việc xây dựng các quy hoạch tổng thể, quy chuẩn xây dựng kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội và khu dân cư trong vùng thường xuyên bị thiên tai phù hợp với tiêu chuẩn phòng, chống bão, lũ, thiên tai của từng vùng; gắn kết quy hoạch phát triển kinh tế - xã hội và các quy hoạch xây dựng của các ngành với chiến lược, quy hoạch, kế hoạch phòng, chống và giảm nhẹ thiên tai để phát triển bền vững.

3. Đảm bảo 100% cán bộ chính quyền địa phương các cấp trực tiếp làm công tác phòng, chống thiên tai được tập huấn, nâng cao năng lực và trình độ về công tác phòng, chống và giảm nhẹ thiên tai.

4. Rà soát quy hoạch sử dụng đất đai, bố trí khu dân cư, đô thị, phát triển các cơ sở hạ tầng, dịch vụ phù hợp quy hoạch và đảm bảo an toàn khi xảy ra thiên tai; có kế hoạch di dời các hộ dân nằm trong khu vực rủi ro cao khi xảy ra lũ quét, sạt lở đất đến chỗ an toàn; kiên quyết xử lý các trường hợp sử dụng đất trái phép, xây dựng nhà cửa, hạ tầng, ... gây cản trở, ách tắc dòng chảy.

5. Hàng năm rà soát, đánh giá khả năng hợp đồng tác chiến giữa các lực lượng tham gia cứu hộ và tìm kiếm cứu nạn, để chủ động ứng phó khi có tình huống cấp bách xảy ra.

6. Nâng cao mức chống lũ của hệ thống đê điều, hoàn thành củng cố, nâng cấp hệ thống đê biển để bảo vệ dân cư; phát triển kinh tế biển, bảo đảm an ninh, quốc phòng vùng ven biển. Bảo đảm an toàn cho các hồ chứa, đặc biệt là các hồ chứa nước lớn, các hồ chứa có khu dân cư đông đúc hoặc cơ sở chính trị, kinh tế, văn hóa, công trình quốc phòng, an ninh quan trọng ở hạ du.

7. Hoàn thành việc xây dựng các khu neo đậu tàu, thuyền tránh trú bão theo quy hoạch đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 1976/QĐ-TTg ngày 12/11/2015 về việc phê duyệt quy hoạch hệ thống cảng cá và khu neo đậu tàu thuyền tránh trú bão cho tàu cá đến năm 2020 và định hướng đến năm 2030.

IV. NỘI DUNG VÀ BIỆN PHÁP PHÒNG, CHỐNG THIÊN TAI

1. Các biện pháp phòng, chống thiên tai cho từng vùng

1.1. Đối với các công trình trọng điểm của tỉnh: Bao gồm đê La Giang, hồ Kè Gõ - Bộc Nguyên, hồ Sông Rác, Kim Sơn, thượng Sông Trí; hồ chứa nước Ngàn Trươi - Cẩm Trang; Nhà máy Thủy điện Hồ Hồ, Thủy điện Hương Sơn và các Khu kinh tế. Công tác phòng, chống thiên tai cho các công trình trọng điểm cần tập trung các giải pháp:

- Tổ chức kiểm tra đánh giá thực trạng chất lượng công trình trước mùa mưa, lũ hàng năm, trên cơ sở đó xây dựng phương án đảm bảo an toàn cho công trình; tổ chức chỉ đạo, đôn đốc, kiểm tra và điều hành thực hiện phương án hiệu quả.

- Đối với công trình hồ chứa phải thực hiện nghiêm quy trình vận hành việc tích và cắt lũ nhằm đảm bảo an toàn cho công trình và dân cư hạ du hồ chứa khi bão, lũ xảy ra, tránh gia tăng ngập lụt vùng hạ du khi xả lũ.

- Tranh thủ sự hỗ trợ của Trung ương, các tổ chức quốc tế, phi Chính phủ,... từng bước củng cố, nâng cấp công trình, đảm bảo an toàn tuyệt đối trong mọi tình huống.

1.2. Khu vực ven biển và trên biển: Khu vực tập trung dân cư đông đúc của trên 30 xã thuộc các huyện: Kỳ Anh, Cẩm Xuyên, Thạch Hà, Lộc Hà, Nghi Xuân và thị xã Kỳ Anh thường bị uy hiếp của bão tố, nước dâng. Các huyện, các ngành cần tập trung các giải pháp sau:

a) Khu vực ven biển, cửa sông:

- Xây dựng phương án chi tiết sơ tán các hộ dân vùng cửa sông, ven biển theo từng quy mô cấp bão đổ bộ trực tiếp sát với thực tế và tổ chức diễn tập để chủ động chỉ huy, điều hành sơ tán đảm bảo an toàn tính mạng Nhân dân khi xảy ra bão, tố và nước biển dâng cao.

- Tập trung đẩy nhanh tiến độ nâng cấp các tuyến đê biển, cửa sông xung yếu đã được bố trí vốn; với phương châm làm đến đâu chắc đến đó, kết hợp với trồng cây chắn sóng, tổ chức tốt công tác ứng cứu hộ đê. Từng bước nâng cấp hệ thống đê biển, đê cửa sông thuộc chương trình nâng cấp đê biển từ Quảng Ninh đến Quảng Nam của Chính phủ để bảo vệ đời sống và sản xuất, góp phần khai thác tiềm năng, thúc đẩy phát triển kinh tế xã hội các huyện ven biển.

- Rà soát, điều chỉnh, bố trí hợp lý các khu vực dân cư, công nghiệp, du lịch, nuôi trồng thủy sản, đảm bảo an toàn khi có bão; củng cố, phát triển rừng phòng hộ ven biển.

- Đẩy nhanh tiến độ xây dựng khu neo đậu tránh, trú bão cho tàu, thuyền đã được cấp có thẩm quyền quy hoạch, phê duyệt. Hướng dẫn quy trình neo đậu tàu, thuyền trong các khu tránh trú bão.

b) Khu vực trên biển:

- Tăng cường công tác quản lý, đăng ký, đăng kiểm tàu thuyền, quy định bắt buộc về trang thiết bị bảo đảm an toàn cho người và phương tiện khi hoạt động đánh bắt hải sản trên biển, đặc biệt là đánh bắt xa bờ.

- Cấp huyện và cấp xã phối hợp với lực lượng Bộ đội Biên phòng quản lý chặt chẽ số lượng tàu thuyền trên địa bàn, số lượng thuyền viên trên tàu; tổ chức thành tổ, đội hoạt động trên biển để hỗ trợ nhau và có chế tài bắt buộc các thuyền trưởng thực hiện liên lạc 2 chiều giữa tàu và chính quyền xã, trạm kiểm soát Biên phòng, nhằm chủ động xử lý các tình huống khi có bão, áp thấp nhiệt đới.

- Tăng cường năng lực thông tin nghề cá, phối hợp khai thác thông tin duyên hải hiện có đảm bảo thông tin liên lạc giữa đất liền và ngoài khơi để hướng dẫn phòng tránh khi có bão, áp thấp nhiệt đới.

- Nâng cao năng lực cứu hộ, cứu nạn trên biển; xây dựng Quy chế phối hợp trong việc TKCN trên biển, lấy lực lượng nòng cốt là Ban Chỉ huy PCTT và TKCN của tỉnh phối hợp với Ủy ban Quốc gia TKCN và lực lượng của địa phương cùng với ngư dân nhằm thực hiện TKCN có hiệu quả.

1.3. Khu vực miền núi: Các huyện: Hương Sơn, Hương Khê, Vũ Quang, thượng Kỳ Anh, một số vùng khi có mưa lớn thường gây nên lũ quét, sạt lở đất; dân cư thường sống tập trung ven sông, suối, dưới chân đồi thường chịu nhiều rủi ro do thiên tai. Biện pháp chủ yếu của khu vực này như sau:

- Những hộ nằm trong vùng nguy hiểm phải tổ chức di dời ngay, khoanh vùng, lập danh sách những hộ, số khẩu nằm trong vùng có nguy cơ cao, sẵn sàng phương án sơ tán dân đến nơi an toàn khi mưa, lũ ác liệt có thể xảy ra.

- Tuyên truyền nâng cao ý thức tự phòng tránh cho cộng đồng, cấm biển cảnh báo, lắp đặt các thiết bị đo mưa tại chỗ; mùa mưa, lũ phải tổ chức trực ban nghiêm túc, nắm chắc diễn biến, kịp thời báo động và huy động lực lượng hỗ trợ dân cư sơ tán. Tổ chức lực lượng cứu hộ tại chỗ của các địa phương để xử lý kịp thời khi có tình huống.

- Lồng ghép Chương trình xây dựng nông thôn mới đầu tư xây dựng, nâng cấp các công trình hạ tầng như đường giao thông đến tận thôn, xóm; huy động các nguồn lực khác để xây dựng các công trình kiên cố vượt lũ để đảm bảo an toàn cho dân khi chạy lũ, tránh lũ; tổ chức lực lượng ứng cứu các hồ đập khi mưa, lũ uy hiếp đến công trình.

- Phát triển diện tích rừng phòng hộ đầu nguồn, khuyến khích các thành phần kinh tế phát triển nhanh rừng sản xuất để góp phần nâng cao độ che phủ của rừng.

1.4. Khu vực ngập lụt: Bao gồm các khu vực dọc theo sông Ngàn Sâu, sông Ngàn Trươi trên địa bàn các huyện: Hương Khê, Vũ Quang, thượng Kỳ Anh, hạ Hương Sơn, ngoài đê La Giang và vùng ven sông Lam thường bị ngập lụt sâu, dài ngày, dễ bị cô lập, chi viện khó khăn. Các giải pháp như sau:

- Thường xuyên tuyên truyền nâng cao ý thức của người dân trong việc phòng, tránh mưa, lũ; chuẩn bị dự trữ lương thực, nước sạch và các nhu cầu thiết yếu chung sống với lũ. Chính quyền cơ sở tổ chức huy động nguồn lực tại chỗ và cộng đồng để chủ động xử lý các tình huống trên địa bàn và sơ tán dân cư khi cần thiết.

- Điều chỉnh, chuyển đổi cơ cấu mùa vụ thích hợp; tranh thủ thu hoạch sản phẩm sản xuất nông nghiệp trước khi lũ về.

- Lực lượng TKCN, chi viện của tỉnh chủ động các phương án ứng phó để sẵn sàng chi viện cho các khu vực này khi bão, lũ xảy ra ác liệt.

- Đầu tư xây dựng, nâng cấp các công trình hạ tầng như đường giao thông, các công trình kiên cố vượt lũ: Trụ sở, trường học, trạm xá, trạm điện,... để Nhân dân trú, tránh; tạo ra những mô đất cao làm chỗ tránh trú cho gia súc, gia cầm khi có lũ kéo dài.

- Từng bước nâng cấp hệ thống đê sông thuộc chương trình nâng cấp đê sông của Chính phủ để bảo vệ đời sống, sản xuất, góp phần ổn định và thúc đẩy phát triển kinh tế xã hội.

1.5. Khu vực ngập úng và hạ du hồ chứa nước lớn: Các khu vực nội đồng thường bị ngập úng dọc theo kênh Nhà Lê của huyện Đức Thọ - Can Lộc và các vùng hạ du các hồ chứa lớn: Kẻ Gỗ, Bộc Nguyên, Sông Rác, Kim Sơn, thượng sông Trí, Ngàn Trươi - Cẩm Trang, nhà máy thủy điện Hồ Hồ, thủy điện Hương Sơn:

- Cần nắm chắc diễn biến của mưa, lũ, lưu lượng xả tràn của các hồ chứa để kịp thời cảnh báo sơ tán dân cư đến nơi an toàn và phải dự phòng các nhu cầu thiết yếu cho đời sống để phòng mưa, lũ xảy ra ác liệt.

- Tổ chức vận hành, điều tiết hồ chứa một cách hợp lý, đúng quy trình được duyệt nhằm hạn chế ngập lụt vùng hạ du.

- Vận hành hệ thống các trục tiêu thoát lũ một cách có hiệu quả.

2. Biện pháp phòng, chống thiên tai

2.1. Biện pháp phi công trình:

a) Rà soát, điều chỉnh và bổ sung các quy hoạch phù hợp với Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội tỉnh Hà Tĩnh đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2050 đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 1786/QĐ-TTg ngày 27/11/2012 và Quy hoạch phát triển của các ngành, gắn với mục tiêu, nhiệm vụ tái cơ cấu ngành nông nghiệp trong điều kiện biến đổi khí hậu, như: Quy hoạch hệ thống đê điều, Quy hoạch sử dụng đất, Quy hoạch dân cư vùng có nguy cơ lũ quét và sạt lở đất ở các huyện miền núi, vùng có nguy cơ sạt lở ven sông, vùng cửa sông, ven biển,... bố trí cơ cấu sản xuất, mùa vụ, nhằm né tránh và từng bước thích ứng với điều kiện biến đổi khí hậu.

b) Nâng cao năng lực dự báo, cảnh báo và thông tin liên lạc:

- Đầu tư xây dựng một số trạm cảnh báo lũ đầu nguồn và cảnh báo nước dâng ven biển; hỗ trợ trang bị nâng cấp các trạm thủy văn hiện có, tăng cường chất lượng nguồn nhân lực đáp ứng yêu cầu cảnh báo, dự báo các loại hình thời tiết: Mưa, lũ, bão, ATNĐ.

- Đầu tư, nâng cấp hệ thống thông tin liên lạc đảm bảo thông suốt trong mọi tình huống. Đầu tư trang bị hệ thống thông tin liên lạc sóng ngắn từ tỉnh đến các huyện trọng điểm, vùng trọng điểm và trang bị máy liên lạc tầm xa cho các tàu thuyền đánh bắt trên biển đảm bảo thông tin liên lạc khi thiên tai, bão, lũ xảy

ra ác liệt. Tăng cường công tác thông tin, tuyên truyền về các hình thái thiên tai và biện pháp phòng chống để cộng đồng có ý thức phòng, tránh.

c) Nâng cao năng lực cộng đồng:

- Đào tạo, tập huấn nâng cao năng lực của cộng đồng và xây dựng kế hoạch làng, xã an toàn phù hợp với tình hình cụ thể của từng địa phương nhằm chủ động phòng ngừa, ứng phó và khắc phục kịp thời và hiệu quả.

- Xây dựng phương án sơ tán dân cư theo quy mô phù hợp với mức độ nguy hiểm đối với từng cấp bão giúp cho công tác chỉ đạo điều hành đảm bảo tính hiệu lực và an toàn tính mạng Nhân dân.

d) Tăng cường năng lực tổ chức, chỉ đạo, điều hành:

- rà soát, bổ sung hoàn thiện chức năng nhiệm vụ, quy chế hoạt động, cơ chế phối hợp của Ban Chỉ huy PCTT và TKCN tỉnh đến địa phương và các sở, ngành liên quan. Nâng cấp, đầu tư trang thiết bị và công nghệ cho Ban Chỉ huy PCTT và TKCN ở các cấp.

- Hàng năm tổ chức củng cố kiện toàn Ban Chỉ huy PCTT và TKCN các cấp (tỉnh, huyện, xã); tổ chức họp tổng kết rút kinh nghiệm công tác PCTT và TKCN năm trước và triển khai nhiệm vụ năm tiếp sau; đặc biệt chú trọng đến công tác đảm bảo an toàn cho ngư dân và tàu thuyền hoạt động nghề cá, phương án sơ tán dân cư vùng ven biển, vùng lũ quét, ngập lụt, vùng hạ du hồ chứa đảm bảo tính khả thi.

- Thực hiện chính sách xã hội hóa đối với công tác phòng, chống và giảm nhẹ thiên tai, trong đó: Tạo điều kiện cho người dân tham gia vào quá trình lập quy hoạch, kế hoạch, quản lý và giám sát việc thực hiện các chương trình, dự án phòng, chống thiên tai.

- Tổ chức lực lượng tự ứng phó tự nguyện của cộng đồng để tham gia cứu hộ, cứu nạn. Phát huy vai trò của các tổ chức, đoàn thể xã hội trong các hoạt động chuẩn bị ứng phó, khắc phục hậu quả. Khuyến khích các tổ chức cá nhân trong và ngoài nước có các hình thức hỗ trợ đa dạng, hiệu quả cho người dân và địa phương bị thiên tai.

- Tăng cường đào tạo nguồn nhân lực đáp ứng yêu cầu phòng, chống và giảm nhẹ thiên tai. Đặc biệt nguồn nhân lực cho bộ máy tổ chức quản lý, tham mưu, điều hành công tác phòng, chống và giảm nhẹ thiên tai.

e) Nâng cao nhận thức của cộng đồng:

- Tăng cường các biện pháp tuyên truyền, giáo dục, nâng cao nhận thức của cộng đồng về phòng, chống và giảm nhẹ thiên tai; tập trung triển khai thực hiện Đề án 1002 “Nâng cao nhận thức cộng đồng và quản lý rủi ro thiên tai dựa vào cộng đồng” đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt; đưa những kiến thức cơ bản về phòng, chống và giảm nhẹ thiên tai vào chương trình giáo dục trong nhà trường, nhằm giáo dục cho học sinh hiểu và biết cách đối phó với các tình huống thiên tai, đồng thời hỗ trợ cho gia đình và cộng đồng.

- Tổ chức tập huấn cho các đối tượng trực tiếp tham gia công tác phòng, chống và giảm nhẹ thiên tai, trong đó chú trọng cán bộ quản lý, cán bộ lập kế hoạch, cán bộ chuyên trách, cán bộ cơ sở cấp xã.

f) Phát triển khoa học công nghệ về phòng, chống và giảm nhẹ thiên tai:

- Tổ chức củng cố, nâng cao năng lực và chất lượng hệ thống dự báo, cảnh báo, hệ thống thông tin liên lạc phục vụ công tác chỉ huy, điều hành. Tổ chức tốt công tác thường trực PCTT và TKCN ở các cấp, các ngành; nắm chắc diễn biến thời tiết, thiên tai, kịp tham mưu cho cấp ủy, chính quyền các cấp quyết định các biện pháp ứng phó kịp thời; chú trọng các hình thức thông tin liên lạc có hiệu quả, nhất là ở vùng núi, vùng biển, vùng sâu, vùng xa.

- Khuyến khích áp dụng các thành tựu khoa học công nghệ tiên tiến nâng cao năng lực dự báo, cảnh báo, thông tin liên lạc; khuyến khích ứng dụng công nghệ mới, vật liệu mới trong lĩnh vực phòng, chống và giảm nhẹ thiên tai.

2.2 Biện pháp công trình:

a) Đối với hệ thống đê điều:

Tập trung hoàn thành tuyến đê La Giang, nâng cấp và khép kín hệ thống đê biển, đê sông: Đê Hữu Nghèn (huyện Thạch Hà), đê Tân Long (huyện Hương Sơn), đê Trường Sơn (huyện Đức Thọ); hoàn thiện hệ thống đê bao quanh thành phố Hà Tĩnh thích ứng với điều kiện biến đổi khí hậu, nước biển dâng. Thực hiện các chương trình cứng hóa mặt đê, trồng tre chắn sóng, trồng cỏ chống xói mòn, phục hồi và phát triển bền vững hệ thống rừng ngập mặn, rừng phòng hộ ven biển, cải tạo, nâng cấp các cống dưới đê. Chú trọng nâng cao chất lượng, chống xuống cấp đê, tiến tới xóa dần các vị trí xung yếu.

b) Đối với hệ thống hồ chứa nước:

- Rà soát, đánh giá thực trạng toàn bộ các hồ chứa, tổ chức kiểm định đập, đánh giá lại khả năng xả lũ của hồ chứa có xét đến biến đổi khí hậu và phù hợp với tiêu chuẩn hiện hành, từng bước nâng mức đảm bảo theo chuẩn mực quốc tế cho các hồ chứa lớn.

- Tăng cường đảm bảo an toàn cho các hồ chứa nước và vùng hạ du, đặc biệt đối với các hồ chứa nước lớn, hồ chứa có hạ du là khu dân cư tập trung hoặc cơ sở chính trị, kinh tế, văn hóa, công trình quan trọng Quốc gia.

- Đầu tư lắp đặt các thiết bị giám sát, theo dõi, dự báo mưa, lũ cho các hồ chứa lớn. Tổ chức vận hành điều tiết các hồ chứa nước theo thời gian thực, tăng cường các giải pháp đảm bảo an toàn cho vùng hạ lưu khi xả lũ và trong trường hợp xảy ra sự cố vỡ đập.

- Xây dựng hệ thống tràn xả lũ sâu cho các hồ chứa nước có dung tích trên 5,0 triệu m³ nhằm chủ động điều tiết đảm bảo an toàn.

- Quản lý chặt chẽ công tác về an toàn đập từ quy hoạch, khảo sát, thiết kế, xây dựng và quản lý vận hành. Việc xây dựng mới, nâng cấp các hồ chứa phải tính đến các giải pháp đồng bộ, thuận tiện trong quản lý, sửa chữa và ứng phó khi thiên tai xảy ra.

- Hoàn thành hồ chứa nước Ngàn Trươi - Cẩm Trang để tham gia điều tiết lũ và giảm lũ cho vùng hạ du.

c) Nâng cao khả năng phòng, chống thiên tai:

- Rà soát, đánh giá tổng thể tình hình sạt lở bờ sông, bờ biển trên tất cả các lưu vực, từ đó đưa ra các giải tổng thể kết hợp hài hòa giữa giải pháp công trình và phi công trình; giải pháp xây dựng công trình bảo vệ gắn với việc di dân đảm bảo hiệu quả về kinh tế, xã hội và an toàn.

- Đầu tư nâng cấp cơ sở hạ tầng khu vực thường bị ngập lụt để nâng cao năng lực phòng tránh thiên tai của cộng đồng; tạo điều kiện thuận lợi cho Nhân dân sống thích nghi và chủ động ứng phó với thiên tai.

- Triển khai thực hiện các giải pháp, lồng ghép các chương trình, dự án nâng cao chất lượng thảm phủ rừng đầu nguồn với mục tiêu nâng cao khả năng điều tiết nước của các lưu vực sinh thủy các sông lớn, lưu vực các hồ chứa nước làm chậm lũ, nhằm giảm thiểu và hạn chế lũ quét, lũ ống, đặc biệt đối với các địa phương vùng núi các huyện: Hương Khê, Hương Sơn, Vũ Quang.

- Xây dựng kế hoạch quản lý lũ tổng hợp cho lưu vực sông Ngàn Sâu, Ngàn Phố; xây dựng quy hoạch quản lý rủi ro thiên tai cho từng vùng, từng địa phương; xây dựng lộ trình thực hiện và theo dõi, kiểm tra, giám sát qua bộ chỉ số đánh giá.

- Nạo vét các cửa sông, các trục thoát lũ chính, đặc biệt hệ thống thoát lũ hạ du các hồ chứa nước lớn, như: Hệ thống thoát lũ hạ du hồ Kẻ Gỗ, sông Rác; các trục tiêu thoát lũ nội đồng, khu vực đô thị, đảm bảo tiêu thoát lũ nhanh. Kiên cố một số trục tiêu chính, xây dựng hệ thống tiêu chủ động cho thành phố Hà Tĩnh và các khu sản xuất công nghiệp tập trung theo hướng hiện đại, phù hợp với xu thế phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh, đáp ứng với điều kiện biến đổi khí hậu, nước biển dâng.

d) Nâng cao năng lực cứu hộ, cứu nạn:

- Nâng cao năng lực cứu hộ, cứu nạn cho các lực lượng cứu hộ, cứu nạn; tổ chức thường xuyên diễn tập phòng, chống và giảm nhẹ thiên tai đối với các ngành, các địa phương.

- Nâng cao khả năng bảo đảm thông tin liên lạc thông suốt trong mùa lũ; khả năng ứng cứu tại chỗ cho các tổ chức, cá nhân, cộng đồng; đặc biệt là vùng núi cao, vùng sâu, vùng xa, biên giới, hải đảo, các phương tiện hoạt động trên sông, trên biển.

3. Phân công, phân cấp trách nhiệm và phối hợp các cơ quan trong ứng phó với cấp độ rủi ro thiên tai

a) Thiên tai cấp độ 1:

- Chủ tịch UBND, Trưởng Ban Chỉ huy PCTT và TKCN cấp xã có trách nhiệm trực tiếp chỉ huy, huy động nguồn lực tại chỗ để ứng phó kịp thời ngay khi thiên tai xảy ra; báo cáo và chịu trách nhiệm thực hiện chỉ đạo, chỉ huy của các cơ quan phòng, chống thiên tai cấp trên.

- Chủ tịch UBND cấp xã được quyền huy động các nguồn lực sau để ứng phó thiên tai:

+ Dân quân tự vệ, thanh niên, các tổ chức, cá nhân trên địa bàn và các tổ chức, cá nhân tình nguyện.

+ Vật tư dự trữ do Nhân dân chuẩn bị, vật tư, trang thiết bị, phương tiện của cấp xã và tổ chức, cá nhân trên địa bàn.

- Các lực lượng tham gia ứng phó thiên tai trên địa bàn cấp xã phải phối hợp chặt chẽ theo sự chỉ huy của Chủ tịch UBND cấp xã hoặc người được ủy quyền.

- Trong trường hợp vượt quá khả năng ứng phó của cấp xã, Chủ tịch UBND cấp xã đề nghị UBND, Ban Chỉ huy PCTT và TKCN cấp huyện hỗ trợ.

- Chủ tịch UBND, Trưởng Ban Chỉ huy PCTT và TKCN cấp huyện có trách nhiệm trực tiếp chỉ huy và huy động nguồn lực theo thẩm quyền để ứng phó thiên tai trong trường hợp thiên tai cấp độ 1 xảy ra trong phạm vi từ 2 xã trở lên hoặc khi nhận được yêu cầu trợ giúp của Chủ tịch UBND cấp xã; chịu trách nhiệm thực hiện chỉ huy, chỉ đạo của các cơ quan chỉ đạo phòng, chống thiên tai cấp trên.

- Chủ tịch UBND cấp huyện được quyền huy động các nguồn lực sau để ứng phó thiên tai:

+ Dân quân tự vệ, thanh niên, các tổ chức, cá nhân trên địa bàn và các tổ chức, cá nhân tình nguyện.

+ Vật tư, trang thiết bị, phương tiện của cấp huyện và tổ chức, cá nhân trên địa bàn.

b) Thiên tai cấp độ 2:

- Chủ tịch UBND, Trưởng Ban Chỉ huy PCTT và TKCN cấp tỉnh chỉ huy các địa phương, cơ quan, đơn vị trên địa bàn triển khai ứng phó; huy động nguồn lực theo thẩm quyền để ứng phó kịp thời, phù hợp với diễn biến thiên tai tại địa phương; báo cáo và chịu trách nhiệm thực hiện chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ, Ban Chỉ đạo Trung ương về phòng, chống thiên tai và Ủy ban Quốc gia Tìm kiếm cứu nạn.

- Chủ tịch UBND cấp tỉnh được quyền huy động các nguồn lực sau để ứng phó thiên tai:

+ Dân quân tự vệ, thanh niên, các tổ chức, cá nhân; lực lượng tìm kiếm cứu nạn, lực lượng vũ trang địa phương và các tổ chức, cá nhân tình nguyện.

+ Vật tư, trang thiết bị, phương tiện của cấp tỉnh; vật tư dự trữ phòng, chống thiên tai của tỉnh và của các tổ chức, cá nhân trên địa bàn.

- Chủ tịch UBND, Trưởng Ban Chỉ huy PCTT và TKCN cấp huyện, cấp xã tổ chức thực hiện nhiệm vụ theo quy định; tuân thủ sự chỉ huy của cơ quan cấp trên, hướng dẫn và tổ chức sơ tán người đến nơi an toàn; Chủ tịch UBND cấp huyện quyết định tổ chức cưỡng chế sơ tán trường hợp tổ chức, cá nhân không tự giác chấp hành sự chỉ đạo, chỉ huy, hướng dẫn sơ tán phòng tránh thiên tai vì mục đích an toàn cho người.

- Trong trường hợp vượt quá khả năng ứng phó của tỉnh, Chủ tịch UBND, Trưởng Ban Chỉ huy PCTT và TKCN tỉnh báo cáo, đề nghị Ban Chỉ đạo Trung ương về phòng, chống thiên tai và Ủy ban Quốc gia Tìm kiếm cứu nạn hỗ trợ.

c) Thiên tai cấp độ 3:

- Chủ tịch UBND, Trưởng Ban Chỉ huy PCTT và TKCN tỉnh chịu trách nhiệm chỉ huy, huy động nguồn lực theo thẩm quyền, triển khai các biện pháp ứng phó thiên tai trên địa bàn.

- Chủ tịch UBND, Trưởng Ban Chỉ huy PCTT và TKCN cấp huyện, xã thực hiện nhiệm vụ quy định tại Khoản 3 Điều 8 Nghị định số 66/2014/NĐ-CP ngày 04/7/2014 của Chính phủ, phù hợp với tình huống cụ thể tại địa phương; tuân thủ sự chỉ đạo, chỉ huy của cơ quan cấp trên.

- Trường hợp thiên tai xảy ra ở mức độ vượt quá cấp độ 3 hoặc có nguy cơ gây thiệt hại nghiêm trọng, báo cáo khẩn trương về Ban Chỉ đạo Trung ương về phòng, chống thiên tai và Thủ tướng Chính phủ hỗ trợ, giúp đỡ.

d) Thiên tai cấp độ 4

- Tuân thủ sự chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ, các Bộ, ngành Trung ương, Ban Chỉ đạo Trung ương về phòng, chống thiên tai và Ủy ban Quốc gia Tìm kiếm cứu nạn.

- Chủ tịch UBND, Trưởng Ban Chỉ huy PCTT và TKCN tỉnh có trách nhiệm chỉ huy, huy động nguồn lực theo thẩm quyền triển khai các biện pháp ứng phó thiên tai trên địa bàn.

- Chủ tịch UBND, Trưởng Ban Chỉ huy PCTT và TKCN cấp huyện, cấp xã thực hiện nhiệm vụ quy định tại Khoản 3 Điều 8 Nghị định 66/2014/NĐ-CP ngày 04/7/2014 của Chính phủ, phù hợp với tình huống cụ thể tại địa phương; tuân thủ sự chỉ đạo, chỉ huy của cơ quan cấp trên.

đ) Thiên tai cấp độ 5:

Khi xảy ra thiên tai cấp độ 5 việc phân công, phân cấp trách nhiệm và phối hợp trong ứng phó tình trạng khẩn cấp về thiên tai thực hiện theo quy định của pháp luật về tình trạng khẩn cấp.

4. Xác định phương pháp, cách thức lồng ghép nội dung phòng, chống thiên tai vào quy hoạch, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội

- Nhiệm vụ phòng, chống thiên tai phải được lồng ghép vào quy hoạch, kế hoạch phát triển ngành, kinh tế - xã hội. Căn cứ vào loại hình rủi ro do thiên tai, phân vùng rủi ro thiên tai ứng với mỗi loại hình và cấp độ rủi ro thiên tai của ngành và địa phương để lồng ghép nội dung phòng, chống thiên tai. Ưu tiên các công trình đa mục tiêu, kết hợp giải pháp công trình và phi công trình, hướng tới phát triển bền vững và đối tượng dễ bị tổn thương trong lồng ghép nội dung phòng, chống thiên tai. Huy động các nguồn vốn cho công tác phòng, chống thiên tai được lồng ghép, cân đối trong quá trình lập đề cương, nhiệm vụ quy hoạch, trong quá trình xây dựng dự toán ngân sách kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, kế hoạch đầu tư phát triển của tỉnh.

- Quy trình thực hiện lồng ghép gồm: Rà soát đánh giá việc thực hiện nội dung phòng, chống thiên tai trong thực hiện quy hoạch, kế hoạch của địa phương; phân tích tình trạng và khả năng chống chịu thiên tai của các đối tượng dễ bị tổn thương trong tương lai về kinh tế, xã hội và môi trường; xác định các nguyên nhân, gồm cả nguyên nhân khách quan, chủ quan dẫn đến thiệt hại của từng lĩnh vực kinh tế, xã hội và môi trường để có các giải pháp phòng, chống thiên tai cho phù hợp với các loại hình thiên tai thường xuyên xảy ra và giám sát, đánh giá việc thực hiện lồng ghép.

- Căn cứ các nguồn vốn được giao trong kế hoạch trung hạn và hàng năm để thực hiện nội dung lồng ghép phòng, chống thiên tai vào các quy hoạch, kế hoạch phát triển ngành, kinh tế - xã hội, gồm: Vốn đầu tư nguồn ngân sách Nhà nước, vốn đầu tư của ngân sách Trung ương, vốn bổ sung có mục tiêu của ngân sách Trung ương, vốn đầu tư trong cân đối ngân sách địa phương, vốn đầu tư nguồn Trái phiếu Chính phủ; quỹ Phòng, chống thiên tai, vốn hỗ trợ phát triển chính thức (ODA) và vốn vay ưu đãi của các nhà tài trợ, vốn tín dụng đầu tư phát triển của Nhà nước, nguồn kinh phí chi thường xuyên cho công tác lập kế hoạch, điều chỉnh quy hoạch và xây dựng kế hoạch phát triển ngành, kinh tế - xã hội và các nguồn vốn hợp pháp khác theo quy định của pháp luật.

- Ủy ban nhân dân các cấp có trách nhiệm ưu tiên vốn đầu tư trong kế hoạch hàng năm và trung hạn để xây dựng các công trình phòng, chống thiên tai phục vụ cho phát triển kinh tế - xã hội trên địa bàn, trên cơ sở tuân thủ theo nguyên tắc sau:

+ Đối với nguồn vốn ODA không hoàn lại, ưu tiên cho các lĩnh vực: Hoàn thiện thể chế, chính sách, đổi mới và nâng cao hiệu quả quản lý; chính sách hợp tác công - tư; dự án nâng cao năng lực quản lý, điều hành công tác phòng, chống thiên tai cho cán bộ quản lý các cấp, nhất là cấp xã.

+ Đối với nguồn vốn vay ODA, ưu tiên xây dựng, cải tạo nâng cấp hệ thống phòng, chống thiên tai: Các dự án nâng cấp các hồ chứa nước; dự án xây dựng, củng cố hệ thống đê điều; dự án xây dựng các âu thuyền tránh, trú bão; xây dựng hệ thống quan trắc dự báo, cảnh báo mưa, lũ; các dự án thủy lợi chống sạt lở bờ sông, bờ biển thích ứng với biến đổi khí hậu, chống ngập úng cho thành phố Hà Tĩnh, các khu công nghiệp và khu dân cư tập trung thường bị ngập sâu, dài ngày; các dự án xây dựng hệ thống tiêu thoát lũ.

+ Ưu tiên nguồn vốn ngân sách hàng năm cho việc tăng cường năng lực quản lý, thực hiện các dự án xây dựng mới, nâng cấp, tu bổ các công trình, các dự án quy hoạch, các dự án tăng cường trang thiết bị dự báo, cảnh báo, cứu hộ, cứu nạn, khắc phục hậu quả và phục hồi sản xuất.

+ Khuyến khích các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước tham gia vào việc cung cấp tài chính cho sự nghiệp phòng, chống và giảm nhẹ thiên tai, tiến hành các hoạt động nhân đạo và từ thiện đối với vùng bị thiệt hại do thiên tai.

(Danh mục các chương trình, dự án đầu tư thuộc lĩnh vực phòng, chống thiên tai giai đoạn 2016-2020 như Phụ lục kèm theo).

V. TỔ CHỨC THỰC HIỆN:

1. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn

Cơ quan Thường trực của Ban Chỉ huy PCTT và TKCN tỉnh chủ trì tổ chức thực hiện Chương trình kế hoạch hành động thực hiện Chiến lược quốc gia phòng, chống và giảm nhẹ thiên tai đến năm 2020, có trách nhiệm hướng dẫn, kiểm tra, đôn đốc việc thực hiện chương trình, kế hoạch hành động của các sở, ngành, địa phương. Tổng hợp, đánh giá tình hình thực hiện hàng năm, báo cáo UBND tỉnh; đề xuất sửa đổi, bổ sung kế hoạch khi cần thiết.

2. Các sở, ngành liên quan

- *Sở Kế hoạch và Đầu tư:* Chủ trì phối hợp với các sở, ngành liên quan tham mưu UBND tỉnh bố trí vốn đầu tư để thực hiện Kế hoạch; tham mưu xây dựng cơ chế, chính sách phát triển các hình thức đầu tư có sự tham gia của Nhà nước và tư nhân; trong quá trình triển khai các chương trình dự án đầu tư trên địa bàn tỉnh cần lồng ghép nội dung liên quan đến công tác ứng phó và giảm nhẹ thiên tai.

- *Sở Tài chính:* Chủ trì, phối hợp với các sở, ngành liên quan nghiên cứu, đề xuất cơ chế, chính sách huy động nguồn lực xã hội cho kế hoạch; phối hợp với sở Kế hoạch và Đầu tư tham mưu UBND tỉnh bố trí vốn đầu tư để thực hiện.

- *Sở Tài nguyên và Môi trường:* Chủ trì phối hợp với Sở Khoa học và Công nghệ, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và các đơn vị liên quan trong việc quy hoạch, quản lý quy hoạch khai thác tài nguyên khoáng sản, tài nguyên nước vùng thượng lưu các công trình thủy lợi, nhằm đảm bảo an toàn, bền vững các công trình thủy lợi. Phối hợp tổ chức nghiên cứu, ứng dụng khoa học công nghệ trong dự báo, cảnh báo các loại hình thiên tai đảm bảo nhanh, chính xác, giúp các địa phương, đơn vị triển khai có hiệu quả các phương án phòng, ngừa thiên tai.

- *Sở Giao thông Vận tải:* Phối hợp với Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn trong thực hiện quy hoạch, đầu tư công trình phòng, chống thiên tai và các cơ chế, chính sách hỗ trợ phát triển xây dựng các công trình phòng, chống thiên tai kết hợp với phát triển giao thông vận tải, đặc biệt là giao thông nông thôn, phục vụ xây dựng nông thôn mới và cải thiện môi trường nông thôn; hệ thống giao thông tránh, vượt lũ và cứu hộ, cứu nạn; hệ thống giao thông ứng cứu các công trình trọng điểm phòng, chống lụt, bão của tỉnh.

- *Sở Thông tin và Truyền thông:* Xây dựng chương trình truyền thông, đẩy mạnh công tác thông tin, tuyên truyền các chủ trương, chính sách, công tác chỉ huy điều hành PCTT và TKCN.

- Các sở, ngành liên quan theo chức năng, nhiệm vụ phối hợp với Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, UBND cấp huyện triển khai kế hoạch có hiệu quả.

3. UBND các huyện, thành phố, thị xã

- Tổ chức xây dựng kế hoạch phòng, chống thiên tai cấp huyện, rà soát, điều chỉnh kế hoạch phòng, chống thiên tai hàng năm cho phù hợp với điều kiện

kinh tế - xã hội và sát thực tế tại địa phương theo đúng quy định tại Mục 3 Điều 15 Luật Phòng, chống thiên tai; đảm bảo kế hoạch có tính khả thi cao.

- Căn cứ Luật Phòng, chống thiên tai, Quyết định số 25/2016/QĐ-UBND ngày 17/6/2016 của UBND tỉnh và Kế hoạch này; tổ chức xây dựng, ban hành kế hoạch phòng, chống thiên tai cấp huyện và hướng dẫn UBND cấp xã xây dựng kế hoạch phòng, chống thiên tai cấp xã theo đúng quy định tại Mục 2 Điều 15 Luật phòng, chống thiên tai để tổ chức thực hiện.

4. Ủy ban Mặt trận Tổ quốc tỉnh

Đề nghị Ủy ban Mặt trận Tổ quốc tỉnh và các tổ chức thành viên, chủ động phối hợp với các sở, ngành, địa phương tổ chức tuyên truyền, phổ biến Kế hoạch, kiến thức, kinh nghiệm về nâng cao năng lực cộng đồng phòng ngừa thiên tai. Vận động, tiếp nhận, phân phối và quản lý, sử dụng các nguồn cứu trợ đóng góp tự nguyện hỗ trợ Nhân dân khắc phục hậu quả do thiên tai./.

Nơi nhận:

- Ủy ban Quốc gia TKCN;
 - Ban Chỉ đạo PCLB Trung ương;
 - Bộ Nông nghiệp và PTNT;
 - VP Ban Chỉ đạo PCLB Trung ương;
 - TTr Tỉnh ủy, TTr HĐND;
 - UBMT TQ tỉnh;
 - Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
 - Các Sở, ban, ngành, đoàn thể cấp tỉnh;
 - UBND các huyện, thành phố, thị xã;
 - Các Doanh nghiệp liên quan;
 - Văn phòng TT BCH PCTT&TKCN tỉnh;
 - Chánh, Phó VP UBND tỉnh;
 - Các Phòng CM thuộc VP UBND tỉnh;
 - Trung tâm CB - TH tỉnh;
 - Lưu: VT, NL₁.
- Gửi: + VB giấy: Các TP không nhận VBĐT.
+ VB điện tử: Các TP còn lại.

(báo/cáo)

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH



Đặng Quốc Khánh

noil

PHỤ LỤC
Danh mục các chương trình, dự án đầu tư thuộc lĩnh vực phòng chống thiên tai
giai đoạn 2016-2020

(Kèm theo Kế hoạch số 282/KH-UBND ngày 31/10/2016 của UBND tỉnh)

ĐVT: Triệu đồng

TT	Tên chương trình, dự án	Tổng mức đầu tư	Kế hoạch vốn (2016-2020)	Ghi chú
A	GIẢI PHÁP PHI CÔNG TRÌNH	425.281	51.368	
	Nâng cao năng lực cộng đồng và Quản lý rủi ro thiên tai dự vào cộng đồng	199.400	10.000	Căn cứ theo tổng kinh phí của Đề án toàn quốc giai đoạn 2016 - 2020 tại Quyết định 1002/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ là 546,9 tỷ đồng
2	Quy hoạch chi tiết hệ thống đê điều đến năm 2020, tầm nhìn đến 2030	7.368	7.368	
3	Dự án Phục hồi và quản lý bền vững rừng phòng hộ (Jica2)	196.999	30.000	
4	Trồng cây chắn sóng tuyến đê Hội Thống, Đồng Môn, Cẩm Trung, Cẩm Lĩnh	21.514	4.000	Công trình đã hoàn thành, chỉ còn 4 tỷ đồng bố trí năm 2016 để thanh toán nợ
B	GIẢI PHÁP CÔNG TRÌNH	8.386.601	1.987.185	
I	Nguồn vốn trong nước	4.666.183	1.479.936	
1	Đường tránh ngập lũ thành phố Hà Tĩnh -Kè Gỗ - Hương Khê (Km3+490 - Km9+00)	167.334	8.000	Công trình chi bố trí 8 tỷ đồng bố trí năm 2016 để hoàn thành giai đoạn 1
2	Đường cứu hộ, cứu nạn các xã vùng trung huyện Can Lộc	128.070	28.738	
3	Đường vào trung tâm các xã: Ân Phú, Đức Giang, huyện Vũ Quang kết hợp cứu hộ cứu nạn trong mùa mưa lũ	110.130	9.000	
4	Nạo vét Sông Ớn, huyện Lộc Hà	29.788	13.809	Dự kiến hoàn thành năm 2016
5	Đường cứu hộ công trình thủy lợi hồ chứa nước Rào Trỏ và phát triển vùng Thượng - Tây, huyện Kỳ Anh	135.000	100.000	
6	Nhà máy nước và hệ thống cấp nước sạch cho Nhân dân thị trấn Hương Khê và 7 xã vùng phụ cận thuộc huyện Hương Khê	229.485	100.000	
7	Nâng cấp đường nối Quốc lộ 15 đi qua trung tâm xã Đức Dũng, Hồ chứa nước Khe Lang, huyện Đức Thọ	81.000	81.000	
8	Dự án Âu tránh trú bão cho tàu cá Cửa Khẩu, thị xã Kỳ Anh, (Giai đoạn 2)	80.000	50.000	
9	Dự án Nâng cao năng lực phòng cháy, chữa cháy rừng và bảo vệ rừng cấp bách giai đoạn 2016-2020	74.952	50.000	

TT	Tên chương trình, dự án	Tổng mức đầu tư	Kế hoạch vốn (2016-2020)	Ghi chú
10	Dự án Củng cố, nâng cấp tuyến đê Tả Nghèn huyện Lộc Hà đoạn từ K26+00 đến K35+700	45.528	1.600	Trả nợ khối lượng hoàn thành
11	Củng cố nâng cấp đê Tả Nghèn đoạn từ K16+300 đến K26+00	81.263	3.000	Trả nợ khối lượng hoàn thành
12	Đê Đồng Môn đoạn từ cầu Cày đến cầu Phủ (đoạn từ K11+263 đến K15+585) - Giai đoạn 1	254.346	4.500	Trả nợ khối lượng hoàn thành
13	Nâng cấp đê Hữu Phủ huyện Thạch Hà đoạn từ K0+00 đến K10+00	192.561	2.800	Trả nợ khối lượng hoàn thành
14	Đê Đồng Môn đoạn từ K10+00 đến K11+263	101.818	6.000	Trả nợ khối lượng hoàn thành
15	Đê Trung Linh, TP Hà Tĩnh đoạn từ cầu Đông đến cầu Cày	54.873	850	Trả nợ khối lượng hoàn thành
16	Đê sông Nghèn đoạn qua thị trấn Nghèn và các xã: Thiên Lộc, Vượng Lộc, Khánh Lộc, huyện Can Lộc	42.861	3.000	Trả nợ khối lượng hoàn thành
17	Nâng cấp đê Tả Nghèn từ K0+00 đến K4+064,17	58.972	3.000	Trả nợ khối lượng hoàn thành
18	Củng cố, nâng cấp đê biển Kỳ Ninh đoạn từ K3+400 đến K8+00	227.023	104.448	
19	Củng cố, nâng cấp tuyến đê Đồng Môn, thành phố Hà Tĩnh (giai đoạn 2), đoạn từ cầu Cày (K0) đến cầu Hộ Độ (K5+340)	213.614	65.000	
20	Củng cố, nâng cấp tuyến đê biển, đê cửa sông kết hợp giao thông dọc bờ biển (giai đoạn 2), đoạn qua xã Thạch Kim, huyện Lộc Hà	148.476	60.000	
21	Sửa chữa, nâng cấp hệ thống thủy lợi Bà Nái, huyện Can Lộc	89.500	60.000	
22	Cải tạo, nâng cấp hệ thống thủy lợi Hối Sóc - Cầu Nậy, huyện Cẩm Xuyên	95.023	60.000	
23	Tuyến đê biển huyện Nghi Xuân (đoạn K27+00 - K37+411,66), từ xã Cổ Đạm đến đê Đại Đồng xã Cương Gián, huyện Nghi Xuân	374.789	120.000	
24	Củng cố, nâng cấp đê Hữu Phủ đoạn từ cầu Cửa Sốt đến núi Nam Giới, huyện Thạch Hà, tỉnh Hà Tĩnh	99.700	65.000	
25	Hệ thống tách nước phân lũ cho các xã vùng phía Nam huyện Kỳ Anh	886.608	119.902	
26	Kè chống sạt lở bờ sông Ngàn Phố, đoạn qua Khu đô thị Nam sông Ngàn Phố đến cầu Đá Đón 2	113.900	113.900	Đang trình Bộ Kế hoạch và Đầu tư thẩm định nguồn vốn

TT	Tên chương trình, dự án	Tổng mức đầu tư	Kế hoạch vốn (2016-2020)	Ghi chú
27	Kè biển chống xâm thực huyện Lộc Hà đoạn từ K3+00 đến K11+105 thuộc địa bàn xã Thạch Bằng và Thịnh Lộc	311.569	31.460	
28	Dự án Sống chung với lũ huyện Vũ Quang	238.000	214.929	Đang trình Bộ Kế hoạch và Đầu tư thẩm định nguồn vốn
29	Dự án tăng cường khả năng tiêu thoát lũ vùng hạ du công trình thủy lợi Kè Gỗ	995,68		
II	NGUỒN VỐN ODA	3.720.418	507.249	
1	Phát triển hệ thống thủy lợi quy mô nhỏ các xã nghèo tỉnh Hà Tĩnh (ISDP)	217.200		Đã hoàn thành không có trong kế hoạch 2016 - 2020
2	Phát triển nông nghiệp Hà Tĩnh (CIDA)	220.225	30.689	
3	Dự án cấp nước sạch và vệ sinh môi trường nông thôn	169.400	40.000	
4	Tiểu dự án Hợp phần 3 "Quản lý rủi ro thiên tai dựa vào cộng đồng" tỉnh Hà Tĩnh giai đoạn 1	18.105	10.000	
5	Dự án nạo vét và chỉnh trị luồng vào cảng neo đậu, tránh trú bão Cửa Sót	141.165	70.000	
6	Phát triển cơ sở hạ tầng thiết yếu các xã vùng bãi ngang ven biển nhằm đối phó với biến đổi khí hậu (ICDP)	295.974	86.560	
7	Dự án Phát triển nông thôn tổng hợp các tỉnh miền Trung, tỉnh Hà Tĩnh – Khoản vay bổ sung	337.043	50.000	
8	Dự án Cải thiện nông nghiệp có tưới Kè Gỗ, Sông Rác Hà Tĩnh	703.832	50.000	
9	Dự án Hỗ trợ nông nghiệp các bon thấp (ADB)	39.265	15.000	
10	Dự án "Cải thiện cơ sở hạ tầng các xã vùng ngập lụt tỉnh Hà Tĩnh nhằm ứng phó với biến đổi khí hậu và phát triển bền vững"	635.790	45.000	
11	Cải tạo và nâng cấp Hệ thống tưới, tiêu phục vụ sản xuất nông nghiệp và thoát lũ cho vùng Bắc Thạch Hà, huyện Thạch Hà, tỉnh Hà Tĩnh nhằm ứng phó với biến đổi khí hậu	457.989	80.000	
12	Sửa chữa và nâng cao an toàn hồ đập, tỉnh Hà Tĩnh	484.430	30.000	
TỔNG CỘNG		8.811.882	2.038.553	

uuu ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

